

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/KDTM-PT
Ngày 22-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền

Ông Phan Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 17/2023/TLPT-KDTM ngày 12/5/2023 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2023/KDTM-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH F; địa chỉ: đường số 5, khu công nghiệp L, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: ông Vương Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 13/7/2022), có mặt;

Bị đơn: Công ty TNHH Ngũ Kim C; địa chỉ: thửa đất số 1623, tờ bản đồ số 10, khu phố 1, phường V, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: bà Phạm Như Y – chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

- Người kháng cáo: nguyên đơn Công ty TNHH F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Vương Đức T trình bày:

Ngày 05/01/2022, Công ty TNHH F (sau đây viết tắt là Công ty F) và Công ty TNHH Ngũ Kim C (sau đây viết tắt là Công ty C) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 20220105 CH-FW với nội dung: Công ty C bán cho Công ty F hàng hóa là Bộ răng hình trụ với số lượng 80.000 cái (quy cách D12x19xM6), đơn giá 3.280 đồng/cái, tổng giá trị đơn hàng là 288.640.000 đồng (đã bao gồm VAT). Thời hạn giao hàng: 50 ngày.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty F đã thanh toán cho Công ty C 02 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Ngày 13/01/2022, đặt cọc số tiền là 86.592.000 đồng;

Đợt 2: Ngày 17/5/2022, thanh toán số tiền còn lại là 202.048.000 đồng.

Tổng cộng: 288.640.000 đồng.

Ngày 19/3/2022, Công ty C đã xuất hóa đơn số 0000109 ghi nhận số tiền trên.

Tuy nhiên, tính từ thời điểm ký hợp đồng và nhận tiền cho đến nay phía Công ty C mới chỉ giao cho Công ty TNHH F được tổng cộng 26.863 bộ răng hình trụ tương ứng với số tiền 96.921.704 đồng. Hiện còn thiếu 53.137 bộ, tương đương số tiền là 191.718.296 đồng. Mặc dù Công ty F đã rất nhiều lần liên hệ và yêu cầu phía Công ty C thực hiện việc giao hàng nhưng phía Công ty C đã không thực hiện.

Ngày 22/6/2022, Công ty F có văn bản yêu cầu Công ty C phải trả lại tiền cho Công ty F do việc giao hàng chậm trễ và không đạt chất lượng nhưng cho đến nay Công ty C không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Công ty F khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế số 20220105 CH-FW ngày 05/01/2022 và buộc Công ty C phải trả lại số tiền 207.567.007 đồng, bao gồm: số tiền hàng còn lại là 191.718.296 đồng, tương đương 53.137 bộ răng hình trụ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ giao hàng tính từ ngày 18/5/2022 đến hết ngày 28/3/2023 là 15.848.711 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn, bà Phạm Như Y trình bày:

Thông nhất trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa Công ty F và Công ty C. Công ty C thừa nhận đã nhận đủ tiền từ Công ty F với tổng số tiền là 288.640.000 đồng (đã bao gồm VAT). Ngày 19/3/2022, Công ty C đã xuất hóa đơn số 0000109 thể hiện giá trị

của hợp đồng là 288.640.000 đồng (đã bao gồm VAT). Sau khi nhận tiền đợt 1 từ Công ty F thì Công ty C đã tiến hành làm khuôn mẫu, nhập nguyên liệu và sản xuất hàng hóa theo đúng quy cách mà Công ty F đặt hàng. Ngày 02/4/2022 Công ty C đã giao 5.900 bộ răng hình trụ; đến ngày 07/4/2022 giao tiếp 21.000 bộ nữa, tổng cộng 02 đợt giao hàng là 26.863 bộ răng hình trụ tương ứng với số tiền 96.921.704 đồng. Sau đó, phía Công ty F cho rằng Công ty C giao hàng kém chất lượng nên không chịu nhận hàng tiếp mà yêu cầu trả hàng, đòi lại tiền, do đó Công ty C chưa giao được số hàng còn lại. Công ty C có yêu cầu Công ty F cung cấp chứng cứ cho việc hàng kém chất lượng để yêu cầu trả hàng, đòi lại tiền như thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết nhưng Công ty F không cung cấp.

Nay Công ty C không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty F vì toàn bộ số tiền trên Công ty đã sử dụng để nhập nguyên liệu, làm khuôn mẫu và sản xuất hàng hóa như thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký. Công ty C xác định không vi phạm về thời hạn giao hàng vì theo thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 20220105 CH-FW ngày 05/01/2022 thì thời hạn giao hàng là 50 ngày tính từ ngày bên Công ty F hoàn thành việc thanh toán là ngày 17/5/2022, như vậy tính đến ngày 22/6/2022 là còn trong thời hạn giao hàng. Ngoài ra, Công ty F còn lấy lý do hàng kém chất lượng để đơn phương chấm dứt hợp đồng, đòi lại tiền là không có căn cứ.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2023/KDTM-ST ngày 28/3/2023, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH F đối với bị đơn Công ty TNHH Ngũ Kim C về việc:

- Yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế số 20220105 CH-FW ngày 05/01/2022;
- Yêu cầu Công ty TNHH Ngũ Kim C phải thanh toán tổng số tiền 207.567.007 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi tuyên án, ngày 10/4/2023, nguyên đơn Công ty F kháng cáo toàn bộ bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thống nhất xác nhận giữa Công ty F và Công ty C có ký kết Hợp đồng kinh tế số 20220105 CH-FW ngày 05/01/2022 với nội dung: Công ty C bán cho Công ty F hàng hóa là Bộ răng hình trụ với số lượng 80.000 cái (quy cách D12x19xM6), đơn giá 3.280 đồng/cái, tổng giá trị đơn hàng là 288.640.000 đồng (đã bao gồm VAT). Công ty F đã thanh toán đủ số tiền là 288.640.000 đồng. Công ty C đã thực hiện việc giao hàng hóa cho Công ty F 02 lần với tổng số hàng hóa là 26.863 cái tương ứng với số tiền 96.921.704 đồng (đã bao gồm VAT). Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn cung cấp biên bản thỏa thuận ngày 19 tháng 6 năm 2023 có nội dung: nguyên đơn Công ty TNHH F (do ông Vương Đức T là người đại diện hợp pháp) và bị đơn Công ty TNHH Ngũ Kim C (do bà Phạm Như Y là người đại diện theo pháp luật) đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể như sau:

+ Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 20220105 CH-FW ngày 05/01/2022 giữa Công ty TNHH F và Công ty TNHH Ngũ Kim C;

+ Công ty TNHH Ngũ Kim C có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty TNHH F số tiền 50.000.000 đồng.

+ Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH F và Công ty TNHH Ngũ Kim C, mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền Công ty TNHH Ngũ Kim C phải trả cho Công ty TNHH F theo nội dung đã thỏa thuận.

+ Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH F chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[3] Đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn xác định vẫn giữ nguyên ý kiến như tại biên bản thỏa thuận trên và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét đây là tình tiết mới, thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận mỗi bên chịu 1/2 án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo mức thu nộp án phí tại danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để điều chỉnh lại theo hướng giảm số tiền án phí.

[5.2] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, Điều 300 và khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH F.

2. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2023/KDTM-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 20220105 CH – FW ngày 05/01/2022 giữa Công ty TNHH F và Công ty TNHH Ngũ Kim C;

2.2. Công ty TNHH Ngũ Kim C có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH F số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2.3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH F phải chịu số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 4.910.000 đồng (bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0006420 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho Công ty TNHH F số tiền 3.410.000 đồng (ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Công ty TNHH Ngũ Kim C phải chịu số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH F phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0007572 ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm